

Bản án số: 35/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 16-9-2020

(V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2020/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị N** - sinh năm 1990 (có mặt)

Nguyên quán: xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T1, xã P, huyện U, thành phố Hà Nội

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn A** - sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã P, huyện U, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn A qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Lưu năm 2013. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, bản thân chị cũng cố gắng nhẫn nhịn để mong vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì tình cảm vợ chồng càng phai nhạt bấy nhiêu. Đặc biệt năm 2016, chị phát hiện anh A nghiện ma túy. Chị và gia đình khuyên bảo, tìm mọi cách để anh cai nghiện nhưng càng ngày anh càng nghiện nặng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân được mấy tháng nay. Trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng chỉ gọi điện hỏi thăm con cái còn không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt,

mâu thuẫn đã quá trầm trọng, sống ly thân được một thời gian nên không thể nào quay về đoàn tụ được, Vì vậy, chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh A. Về con chung, chị và anh A có 02 con chung là Nguyễn Trà M - sinh ngày 17/8/2014 và Nguyễn Hải A1 - sinh ngày 04/12/2016. Hiện cháu M đang ở với chị, cháu Hải A ở với anh A. Để thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và ổn định môi trường sinh hoạt cũng như học tập chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được nuôi cháu M, anh A nuôi cháu Hải A không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ chung, chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Lưu năm 2013. Nhìn chung cuộc sống chung vợ chồng diễn ra bình thường. Anh cũng biết trong thời gian qua anh có nghiện ma túy và được gia đình phân tích, khuyên bảo nhận ra tác hại của ma túy nên hai tháng nay anh về quê sinh sống và không sử dụng ma túy nữa. Anh mong vợ chồng đoàn tụ nuôi con, trường hợp chị N vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, có 02 con là Nguyễn Trà M - sinh ngày 17/8/2014 và Nguyễn Hải A - sinh ngày 04/12/2016. Cháu M đang ở với chị N, cháu Hải A ở với anh. Do công việc của anh hiện tại không ổn định nên anh đồng ý mỗi người nuôi một cháu như hiện nay và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xong nếu trường hợp chị N đi lấy chồng hoặc bất kể lý do nào mà không trực tiếp nuôi con, gửi con về ông bà ngoại thì anh sẽ đón con về nuôi. Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Nguyễn Văn A vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Nguyễn Thị N có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn A. Về con chung, giao cho chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trà M - sinh ngày 17/8/2014; giao anh A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hải A - sinh ngày 04/12/2016; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị N và anh A cho đến khi có thay đổi khác. Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia

định, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Nguyễn Văn A đến toà án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh A không có mặt. Hội đồng xét xử đã mở phiên toà ngày 31/8/2020 nhưng do sự vắng mặt của anh A nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay mặc dù được triệu tập họp lần thứ hai nhưng anh A vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội ngày 22.8.2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; đặc biệt từ năm 2016 chị N phát hiện anh A nghiện ma túy, không tu chí làm ăn. Bản thân anh A cũng thừa nhận mình nghiện ma túy xong từ tháng 6/2020 anh đã từ bỏ ma túy. Vì nguyên nhân vậy nên cuộc sống hôn nhân của hai anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Nay chị N cương quyết xin ly hôn anh A. Anh A mong đoàn tụ nếu không được thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng chị N và anh A liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh A nghiện ma túy. Hiện tại thì chị N và cháu lớn ở nội thành Hà Nội. Anh A và cháu nhỏ ở quê. Nay chị N có có đơn ly hôn và nguyện vọng được nuôi con, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ cũng như quyền lợi, sự phát triển, ổn định của trẻ em.

Xét thấy: Cuộc sống giữa chị N và anh A mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn A đều xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Trà M - sinh ngày 17/8/2014 và Nguyễn Hải Anh - sinh ngày 04/12/2016. Chị N và anh A đều đồng ý chị N nuôi cháu M, anh A nuôi cháu Hải Anh, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu của anh A đề nghị sau này chị N không trực tiếp nuôi con thì anh có quyền đón cháu M về nuôi là không phù hợp với quy định của Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương đề nghị căn cứ vào thực tế và quy định để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho trẻ em. Bản thân chị N và anh A đều có đủ điều kiện để nuôi dạy con. Xong để đảm bảo tính chất ổn định môi trường sinh hoạt học tập của các cháu nên Hội đồng xét xử giao chị N nuôi cháu M, anh A nuôi cháu Hải Anh là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N và anh A không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị N và anh A cho đến khi có thay đổi khác; chị N và anh

A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn A không yêu cầu đề nghị Toà giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Nguyễn Thị N được quyền ly hôn anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Sau ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Trà M - sinh ngày 17/8/2014; giao cho anh Nguyễn Văn A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Hải A - sinh ngày 04/12/2016; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị N và anh A cho đến khi có thay đổi khác. Chị N và anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn A không yêu cầu đề nghị Toà giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009781 ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- UBND xã nơi đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện